

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 176/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2014

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về thuế đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ
và khai thác dầu khí của Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” từ lô 09-1
theo Hiệp định 2010 và Nghị định thư 2013**

Căn cứ Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga ký ngày 27 tháng 12 năm 2010 về việc tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu khí tại thềm lục địa Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong khuôn khổ Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” (sau đây gọi chung là Hiệp định 2010);

Căn cứ Nghị định thư ký ngày 09 tháng 12 năm 2013 bổ sung cho Hiệp định 2010 (sau đây gọi chung là Nghị định thư 2013);

Căn cứ Luật Dầu khí năm 1993 được Quốc hội thông qua ngày 06 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dầu khí được Quốc hội thông qua ngày 09 tháng 6 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí số 10/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước Quốc tế số 41/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước (dưới đây gọi chung là thuế) đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” từ lô 09-1 theo Hiệp định 2010 và Nghị định thư 2013 như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn các loại thuế áp dụng đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí của Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” từ lô 09-1 theo quy định tại Hiệp định 2010 và Nghị định thư 2013 gồm:

- Thuế tài nguyên;
- Thuế xuất khẩu;
- Thuế đặc biệt;
- Phụ thu khi giá dầu thô biến động tăng;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Các loại thuế, phí, lệ phí khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với sản phẩm hàng hóa là dầu thô, condensate và khí thiên nhiên do Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” khai thác và giữ được từ lô 09-1 đã xuất bán (kể cả trao đổi), không bao gồm sản phẩm phi hàng hóa và hao phí công nghệ sản phẩm.

“Sản phẩm phi hàng hóa” theo quy định tại Hiệp định 2010 là dầu thô, condensate và khí thiên nhiên cần thiết để đảm bảo việc khai thác, xử lý, bảo quản và vận chuyển sản phẩm đến điểm giao.

“Hao phí công nghệ sản phẩm” theo quy định tại Hiệp định 2010 là những hao phí dầu thô, condensate và khí thiên nhiên liên quan đến việc khai thác và xử lý, bảo quản và vận chuyển sản phẩm đến điểm giao.

2. Thông tư này không áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” ngoài hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí từ lô 09-1. Trong trường hợp này, Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

Điều 3. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế là Liên doanh Việt - Nga “Vietsovpetro” (sau đây gọi chung là VIETSOVPETRO).

2. Trường hợp VIETSOVPETRO ủy quyền theo quy định của pháp luật cho tổ chức Việt Nam thực hiện khai, nộp thuế thay thì tổ chức được ủy quyền đó là người nộp thuế thay.

Điều 4. Đồng tiền nộp thuế

1. VIETSOVPETRO thực hiện xác định số thuế phải nộp và quyết toán thuế bằng đô la Mỹ.

2. Đồng tiền nộp các loại thuế hướng dẫn tại Thông tư này là đô la Mỹ.

Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên được bán tại thị trường Việt Nam, giá bán được xác định trên cơ sở đô la Mỹ thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam và trường hợp VIETSOVPETRO nộp thuế bằng đồng Việt Nam theo quy định của Chính phủ thì tỷ giá áp dụng khi quy đổi từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam để nộp các loại thuế thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Luật Quản lý thuế sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 5. Nguyên tắc xác định giá tính thuế

1. Giá tính thuế theo quy định tại Thông tư này là giá bán dầu thô, condensate được xác định theo hợp đồng giao dịch song phẳng.

“Hợp đồng giao dịch song phẳng” là hợp đồng giao dịch giữa người mua và người bán trong quan hệ thị trường, không bao gồm các hợp đồng mua bán giữa nội bộ của một công ty, giữa các công ty có quan hệ liên kết, giữa các Chính phủ, giữa các tổ chức thuộc Chính phủ, hoặc bất cứ giao dịch, trao đổi nào bị ảnh hưởng bởi những quan hệ thương mại không bình thường.

2. Trường hợp dầu thô, condensate được bán không theo hợp đồng giao dịch song phẳng, giá tính thuế được xác định phù hợp với thông lệ quốc tế về xuất bán dầu thô.

Khi cần thiết, cơ quan quản lý Nhà nước tham khảo giá bán trên thị trường Mỹ (WTI), thị trường Anh (Brent) hay thị trường Singapore (Platt's) hoặc tham khảo ý kiến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định giá dầu thô đang khai thác của người nộp thuế. Người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp cho cơ quan thuế các thông tin về thành phần, chất lượng của dầu thô đang khai thác.

3. Giá tính thuế đối với khí thiên nhiên là giá bán khí thiên nhiên được xác định theo Hợp đồng mua bán khí Lô 09-1 được các phía tham gia Liên doanh phê duyệt.

Chương II **HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ**

Mục 1 **THUẾ TÀI NGUYÊN**

Điều 6. Đối tượng chịu thuế tài nguyên

1. Toàn bộ sản lượng dầu thô, condensate và khí thiên nhiên khai thác và giữ được từ lô 09-1, được đo tại điểm thu gom, kiểm kê, phân phối và giao sản phẩm hàng hóa, đã xuất bán là đối tượng chịu thuế tài nguyên.

“Điểm thu gom, kiểm kê, phân phối và giao sản phẩm hàng hóa” theo quy định tại Hiệp định 2010 là địa điểm được trang bị các bể chứa cần thiết để bảo quản sản phẩm hàng hóa, các thiết bị công nghệ và đường ống dẫn, dụng cụ kiểm tra - đo lường (đầu mối kiểm kê) ở ngoài biển hoặc trên bờ mà từ đó đưa sản phẩm hàng hóa đi bán (sau đây gọi chung là điểm giao nhận).

2. Đối với khoản khí đồng hành thu được trong quá trình khai thác dầu thô, VIETSOVPETRO không sử dụng cho nhu cầu công nghệ, được chuyển giao miễn phí cho Chính phủ Việt Nam sử dụng thì VIETSOVPETRO không phải nộp thuế tài nguyên đối với khoản khí đồng hành này.

3. Trường hợp trong quá trình khai thác dầu thô, condensate và khí thiên nhiên VIETSOVPETRO được phép khai thác tài nguyên khác, thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên thì thực hiện nộp thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên hiện hành.

Điều 7. Kỳ tính thuế tài nguyên

Kỳ tính thuế tài nguyên là năm dương lịch. Kỳ tính thuế tài nguyên đầu tiên bắt đầu từ ngày khai thác dầu thô, condensate và khí thiên nhiên đầu tiên cho đến ngày kết thúc năm dương lịch đầu tiên. Kỳ tính thuế tài nguyên cuối cùng bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm dương lịch cuối cùng đến ngày kết thúc khai thác dầu thô, condensate và khí thiên nhiên.

Điều 8. Xác định thuế tài nguyên tạm tính phải nộp

1. Thuế tài nguyên được nộp bằng dầu thô, condensate và khí thiên nhiên; bằng tiền; hoặc một phần bằng tiền và một phần bằng dầu thô, condensate và khí thiên nhiên.

Trường hợp thuế tài nguyên được nộp bằng dầu thô, condensate và khí thiên nhiên, cơ quan thuế sẽ thông báo cho người nộp thuế bằng văn bản trước 6 tháng và hướng dẫn cụ thể về khai, nộp thuế tài nguyên bằng dầu thô, condensate và khí thiên nhiên.

2. Xác định số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp đối với dầu thô, condensate:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số tiền thuế tài} & & \text{Sản lượng} & & & & \\ \text{nguyên tạm tính} & = & \text{dầu thô,} & \times & \text{Giá tính thuế tài} & \times & \text{Tỷ lệ thuế} \\ \text{phải nộp} & & \text{condensate} & & \text{nguyên tạm tính} & & \text{tài nguyên} \\ & & \text{xuất bán} & & & & \end{array}$$

Trong đó:

- Sản lượng dầu thô, condensate xuất bán là sản lượng dầu thô, condensate chịu thuế tài nguyên theo từng lần xuất bán.

- Giá tính thuế tài nguyên tạm tính là giá bán dầu thô, condensate tại điểm giao nhận của từng lần xuất bán dầu thô, condensate theo hợp đồng giao dịch song phẳng, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp dầu thô, condensate được bán không theo hợp đồng giao dịch song phẳng thì giá tính thuế tài nguyên được xác định như hướng dẫn tại Điều 5 Chương I Thông tư này.

- Tỷ lệ thuế tài nguyên theo quy định tại Hiệp định 2010, Nghị định thư 2013 là 18%.

Ví dụ 1: Xác định số thuế tài nguyên tạm tính:

Giả sử VIETSOVPETRO xuất bán một lô dầu thô với sản lượng là: 500.000 thùng, giá bán là 75 USD/thùng.

$$\begin{array}{lcl} \text{Số tiền thuế tài nguyên} & = & 500.000 \text{ thùng} \times 75 \text{ USD/thùng} \times 18\% \\ \text{tạm tính phải nộp} & & \\ & = & 6.750.000 \text{ USD} \end{array}$$

3. Xác định số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp đối với khí thiên nhiên:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số tiền thuế tài} & & \text{Sản lượng khí} & & & & \\ \text{nguyên tạm tính} & = & \text{thiên nhiên} & \times & \text{Giá tính} & \times & \text{Tỷ lệ thuế tài} \\ \text{phải nộp} & & \text{xuất bán} & & \text{thuế tài} & & \text{nguyên tạm tính} \\ & & & & \text{nguyên} & & \end{array}$$

Trong đó:

- Sản lượng khí thiên nhiên xuất bán là sản lượng khí thiên nhiên chịu thuế tài nguyên thực tế xuất bán theo từng tháng.

- Giá tính thuế tài nguyên là giá bán khí thiên nhiên được xác định theo Hợp đồng mua bán khí Lô 09-1 được các phía tham gia Liên doanh phê duyệt.

- Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính được xác định như sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Tỷ lệ thuế} & & \text{Thuế tài nguyên bằng khí thiên nhiên} \\ \text{tài nguyên} & = & \text{dự kiến phải nộp trong kỳ tính thuế} \\ \text{tạm tính} & & \text{Sản lượng khí thiên nhiên chịu thuế tài nguyên} \\ & & \text{dự kiến khai thác trong kỳ tính thuế} \end{array} \times 100\%$$